

Bản án số: 07/2017/KDTM-PT

Ngày: 12/9/2017

Về việc: “T/c hợp đồng mua bán”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quang

Các Thẩm phán: Bà Đào Thị Huệ

Ông Trương Văn Tâm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Nguyễn Thành Lê – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2017/TLST-KDTM ngày 19/7/2017 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2017/KDTMST ngày 01/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2017/QĐST-KDTM ngày 24/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH D.

Địa chỉ: phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L – Chức vụ: giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L 2, sinh năm: 1986 (theo giấy ủy quyền số 1563, quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/12/2016 tại phòng công chứng số 3, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu), **(có mặt)**.

Địa chỉ: phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1977 **(có mặt)**.

Địa chỉ: khu phố K, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố K, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố L, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Công ty TNHH D (viết tắt là Công ty D) ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị L 2 trình bày:

Bà L 2 là nhân viên Công ty D. Công ty D kinh doanh mua bán các loại thủy hải sản, trong đó có mặt hàng xương cá tuyết khô. Trước đây, Công ty D đã nhiều lần thực hiện việc mua bán với ông Đ, chủ yếu thỏa thuận hợp đồng bằng miệng và tin tưởng nhau nên hình thức mua bán là giao hàng trước và nhận tiền sau.

Sản phẩm xương cá tuyết khô là mặt hàng Công ty D thường kinh doanh và xuất sang Châu Âu với giá khoảng 50.000đ/kg, nhưng do sản phẩm bị lỗi nên không xuất đi được để lại bán nội địa với giá 11.500đ/kg.

Ngày 07/10/2016, Công ty D ủy quyền cho Bà L 2 trực tiếp thỏa thuận giá cả cũng như số lượng hàng hóa với ông Đ. Ngày 05/11/2016, Công ty D thực hiện việc bán phế phẩm xương cá tuyết khô cho ông Đ, có làm giấy tay “Phiếu giao nhận” về số lượng hàng giao là 679 bao, mỗi bao 20kg, có tổng trọng lượng là 13.580kg, Công ty D giảm 80kg bao bì, còn lại là 13.500kg với giá 11.500đ/kg. Tổng số tiền là 155.250.000đ. Ông Đ đưa trước 10.000.000đ và hẹn đến chiều cùng ngày sẽ giao hết số tiền còn lại.

Chiều cùng ngày, ông Đ đến Công ty D giao 5.230.000đ và cho rằng giá là 1.150đ/kg, xem như việc mua bán đã xong. Công ty D không đồng ý vì giá cả đã thỏa thuận ban đầu là 11.500đ/kg, không phải là 1.150đ/kg nên Công ty D không đồng ý bán cho ông Đ nữa và đồng ý thu lại toàn bộ hàng hóa cũng như thanh toán chi phí vận tải, bốc dỡ nhưng ông Đ không đồng ý tiếp tục trả tiền hoặc trả hàng cho Công ty D. Sau đó, Công ty D đã nhiều lần liên lạc nhưng ông Đ tắt điện thoại không liên lạc được.

Vì vậy, Công ty D yêu cầu ông Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty D số tiền: 155.250.000đ – 15.230.000đ = 140.020.000đ (Một trăm bốn mươi triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn Ông Nguyễn Thành Đ trình bày:

Ông Đ thống nhất về thời gian, địa điểm nhận hàng cũng như mặt hàng sản phẩm xương cá tuyết khô và số tiền ông đã giao là 15.230.000đ như Công ty D

trình bày nhưng ông Đ không đồng ý về số lượng, chất lượng hàng hóa ông đã nhận và giá cả Bà L 2 đưa ra. Theo ông Đ thì số lượng xương cá tuyết khô ông đã mua là 13.900kg trừ bao bì mỗi bao 1kg, còn lại là 13.221kg; Về chất lượng hàng hóa xương cá tuyết khô có nhiều mọt, là hàng phế phẩm; Về giá các bên thỏa thuận mức giá là 1.150đ/kg chứ không phải là 11.500đ/kg như Bà L 2 trình bày. Hơn nữa, ông chỉ thừa nhận có việc mua bán giữa ông và Bà L 2, còn việc Bà L 2 là nhân viên Công ty D thì ông không biết. Sở dĩ chiều cùng ngày, Bà L 2 có yêu cầu nếu ông không đồng ý giá trên thì trả hàng nhưng vì ông đã giao hàng cho người khác nên không thể thu hồi được. Ông Đ không đồng ý toàn bộ yêu cầu của Công ty D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Bà H là vợ ông Đ. Bà có biết việc ông Đ mua bán xương cá tuyết khô phế phẩm với Bà L 2. Việc ông Đ kinh doanh lấy tiền chung của vợ chồng và bán kiếm lời. Lợi nhuận từ việc kinh doanh trên cũng nhằm mục đích chi phí sinh hoạt chung trong gia đình. Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền còn lại là 140.020.000đ (Một trăm bốn mươi triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), không yêu cầu lãi suất bà không đồng ý.

Người làm chứng Bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà là khách hàng thường xuyên mua mặt hàng xương cá của các công ty trong đó có Công ty D. Ngày 17/11/2016, bà có ký hợp đồng mua xương cá tuyết khô với số lượng 14.000kg, giá 10.000đ/kg. Bà khẳng định và cam đoan mặt hàng xương cá tuyết khô không bao giờ có giá dưới 10.000đ/kg vì cá tươi đã hơn 3.000đ/kg, mà 4 kg cá tươi mới được 1 kg cá khô.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2017/KDTMST ngày 01/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa áp dụng: Điều 24, Điều 34, Điều 41, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 147, khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12; Căn cứ khoản 3 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn D về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” đối với Ông Nguyễn Thành Đ.

Buộc Ông Nguyễn Thành Đ và Bà Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn D số tiền còn nợ là 140.020.000đ (Một trăm bốn mươi triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), không yêu cầu trả lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn D về việc yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn Thành Đ phải thanh toán khoản tiền 920.000 (Chín trăm hai mươi ngàn) đồng.

3. Chi phí giám định là 3.000.000đ (Ba triệu đồng): Ông Đ, bà H phải chịu toàn bộ và đã nộp xong.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Ông Nguyễn Thành Đ và Bà Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH D 3.650.000đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002713 ngày 29/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 14/6/2017 bị đơn ông Đ có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 01/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa với lý do bản án sơ thẩm không thỏa đáng và thiếu công bằng, không thể hiện đúng sự việc. Ông Đ mua phế phẩm xương cá tuyết khô với giá là 1.150đ nhưng Bà L 2 tính tiền với giá 11.500đ nên ông Đ không đồng ý. Nay ông Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tuyên sửa bản án sơ thẩm nêu trên và bác đơn khởi kiện của Bà L 2.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Sau khi nghe Hội đồng xét xử phúc thẩm giải thích, Bà L 2 đại diện theo ủy quyền của Công ty D và vợ chồng ông Đ bà H đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

- Về số lượng và đơn giá xương cá tuyết khô: Sau khi trừ đi bao bì theo “Phiếu giao nhận” ngày 05/11/2016, thì số lượng xương cá tuyết khô ông Đ mua của Công ty D là 13.500kg với đơn giá 10.000đ/1kg. Như vậy tổng giá trị ông Đ đã mua xương cá tuyết khô của Công ty D là: 13.500kg x 10.000đ/1kg = 135.000.000đ. Ông Đ đã trả cho Công ty D 15.230.000đ, nên số tiền vợ chồng ông Đ bà H còn phải trả tiếp cho Công ty D là: 135.000.000đ - 15.230.000đ = 119.770.000đ.

- Kể từ ngày Công ty D có đơn yêu cầu thi hành án thì vợ chồng ông Đ bà H phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định.

- Vợ chồng ông Đ bà H phải chịu án phí có giá ngạch.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:* Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm theo nội dung nêu trên.

Án phí có giá ngạch: Vợ chồng ông Đ bà H phải nộp đối với số tiền 119.770.000đ là: $119.770.000đ \times 5\% = 5.988.500đ$.

Ngoài các nội dung hòa giải nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc tranh chấp giữa Công ty D với vợ chồng ông Đ bà H là thuộc loại án kinh doanh thương mại là không đúng nên cần lưu ý Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên:

Áp dụng điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự:

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2017/KDTMST ngày 01/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa như sau:

1. Vợ chồng Ông Nguyễn Thành Đ và Bà Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm trả tiền mua xương cá tuyệt khô còn lại theo “Phiếu giao nhận” ngày 05/11/2016 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn D là 119.770.000đ (một trăm mười chín triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng vợ chồng Ông Nguyễn Thành Đ và Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn D.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn D về việc yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn Thành Đ phải thanh toán khoản tiền 920.000 (Chín trăm hai mươi ngàn) đồng.

3. Chi phí giám định: Tổng cộng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), vợ chồng Ông Nguyễn Thành Đ và Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu và đã nộp xong.

4. Án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Vợ chồng Ông Nguyễn Thành Đ và Bà Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 5.988.500đ (năm triệu, chín trăm tám mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

+ Hoàn trả cho Công ty TNHH D 3.650.000đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002713 ngày 29/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Vợ chồng Ông Nguyễn Thành Đ và Bà Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Ông Nguyễn Thành Đ đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0006102 ngày 15/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, như vậy Vợ chồng Ông Nguyễn Thành Đ và Bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp xong án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2017).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- TAND Thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THA dân sự TP. Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu.

NGUYỄN THỊ QUANG